

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: Ấp LH, xã L, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 5, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (Phòng trọ hộ ông Hồ An L).

- Bị đơn: Bà Phan Thị P, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: 12A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 6, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (Phòng trọ số 15 hộ ông Huỳnh Minh T).

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị P chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2004 và không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông và bà P sống với nhau tại Cà Mau khoảng một thời gian và sau đó sống tại Đồng Tháp một thời gian. Đến năm 2015 thì chuyển về sinh sống ấp 6, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian đầu, ông và bà P chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, đánh nhau về vấn đề kinh tế gia đình, bà P gây nợ nần làm cho kinh tế gia đình khó khăn. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà P được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà P có một con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2005. Trong quá trình giải quyết vụ án ông có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kim T và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ nên ông đồng ý giao cháu T cho bà P được quyền nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Minh N chung sống với nhau từ năm 2004 và không có đăng ký kết hôn. Khi sống chung thì hai bên gia đình đều biết và có tổ chức đám cưới hai bên. Khi sống chung với nhau, cả hai đều tự nguyện và thời điểm đó không đăng ký kết hôn là do bà thiếu hiểu biết về pháp luật và không có điều kiện đi đăng ký. Sau khi tổ chức đám cưới xong thì bà và ông N về sống với nhau tại số 193, Tô Hiến Thành, phường 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Sống được một thời gian thì gia đình về chung sống với nhau ở ấp 6, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian đầu bà và ông N chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không tin tưởng với nhau về mọi vấn đề nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau.

Từ năm 2016 đến nay, bà cùng con gái đã chuyển ra phòng trọ khác để sinh sống. Nay ông N yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với bà thì bà đồng ý. Vì bà và ông N không còn tình cảm, đã ly thân và mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2005. Bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kim T và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, bà không đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ ông N và bà P chung sống với nhau từ năm năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn nên là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, không đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N, bà P.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2005 cho bà P nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Phan Thị P.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh N và bà Phan Thị P chung sống với nhau vào năm 2004, không đăng ký kết hôn. Như vậy, ông Huỳnh Minh N và bà Phan Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Huỳnh Minh N và bà Phan Thị P là vợ chồng.

Về con chung: ông N và bà P có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2005. Hiện nay, cháu T đang sống chung với bà P nên khi ly hôn bà P yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông N đồng ý giao cháu T cho bà P nuôi dưỡng, tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà P nuôi dưỡng, tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí: Ông Huỳnh Minh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 203 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Minh N và bà Phan Thị P là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2005.

Xử giao cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2005 cho bà Phan Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Huỳnh Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Minh N và bà Phan Thị P vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. ông N có quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Huỳnh Minh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 18/02/2019. ông N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Minh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phan Thị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã L
(thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp);
- UBND xã K
(huyện T, tỉnh Cà Mau);
- UBND xã AP
(huyện LT, tỉnh Đồng Nai)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Văn phòng, Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

